

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/08/2020

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Vũ Xuân Dự.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T – sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q – sinh năm 1989; vắng mặt

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn Q sau khoảng nửa năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 11 năm 2009 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, bản thân anh Q sống cũng không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên chửi bới xúc phạm chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần thậm trí cả cha xứ cũng đứng ra hòa giải nhưng anh Q vẫn không thay đổi tính nết. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và cuộc sống

chung không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở từ năm 2016, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau 4 năm nay không quan tâm và không liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị Thúy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung cháu Trần Anh H, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011, thời gian vợ chồng ly thân đến nay cháu ở cùng với anh Q. Tại đơn khởi kiện chị T nhận nuôi cháu Trần Anh H và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Tuy nhiên do nguyện vọng của cháu H muốn ở với anh Q nên chị T đã nhất trí để cháu H cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, do điều kiện chị chưa có chỗ ở mà đang ở nhờ bố mẹ đẻ và chị cũng không có công việc thu nhập ổn định nên chị không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận phân chia nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn Q hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh Q là ông Trần Văn T1 ở xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn Q và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Q thông qua bố đẻ anh Q là ông Trần Văn T1. Anh Q đã biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh Q không có văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Trần Anh H thì nguyện vọng cháu muốn ở với bố là anh Trần Văn Q để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Trần Văn Q
- Về con chung: Giao cho anh Trần Văn Quang tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Anh H, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Chị Phạm Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Trần Anh H, Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Phạm Thị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn Q, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 11 năm 2009 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình nên anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải và cả cha xứ đứng ra hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Q không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh Quang vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh Q không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q.

Quá trình giải quyết vụ án chị T có nộp cho Tòa án nhân dân huyện K đơn xin xác nhận có xác nhận của chính quyền địa phương về việc chị T và anh Q chung sống với nhau tại địa phương đã nhiều lần cãi chửi nhau ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại thôn xóm. Đồng thời anh chị đã sống ly thân nhau 4 năm nay mỗi người một nơi. Thậm chí việc anh chị mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau không chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Anh Q, chị Thúy đã nhiều lần bị công an xã K báo gọi lên làm việc, lập biên bản và nhắc nhở nhiều lần do anh chị đánh cãi chửi nhau.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K thể hiện: Chị T và anh Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 4, xã K, huyện K quá trình sinh sống tại địa phương anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Nhưng từ năm 2016 đến nay thì chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chỉ có anh Q và cháu H ở cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Q. Nay chị T xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau 4 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung cháu Trần Anh H, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Huy do anh Quang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về phía anh Q không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên qua tham khảo ý kiến nguyện vọng của cháu H thì hiện cháu H đang ở với anh Q và nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng cháu muốn ở với bố để ổn định việc học tập cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị T và anh Q là như nhau, căn cứ vào tình hình thực tế thì từ khi chị T và anh Q ly thân thì cháu H ở với anh Q và anh Q cũng đã chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của cháu nên giao cháu H cho anh Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự. Do chị T không có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định nên chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với H. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn Q được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh H, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2011 cho anh Trần Văn Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Chị Phạm Thị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu H. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002375 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã C, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Khanh